

Số: 91/TB-SGDĐT

Đắk Nông, ngày 08 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024

Đơn vị được thông báo: Trường THPT Đắk Song

Mã chương: 422

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm; Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 của trường THPT Đắk Song và biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngày 06/3/2025 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và trường THPT Đắk Song;

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 (không bao gồm vốn đầu tư xây dựng cơ bản) của trường THPT Đắk Song như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí: không có

- Năm trước mang sang: 0 đồng;
- Tổng số thu trong năm: 0 đồng
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng
- Số phí được khấu trừ, để lại:

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1a).

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0	đồng
- Dự toán được giao trong năm:	12.398.035.000	đồng
Trong đó:		
+ Dự toán giao đầu năm:	10.477.500.000	đồng
+ Dự toán bổ sung trong năm:	1.920.535.000	đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm:	12.240.126.127	đồng
- Kinh phí quyết toán:	12.240.126.127	đồng
- Kinh phí giảm trong năm: (hủy dự toán)	2.531.000	đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau SD và QT	155.377.873	đồng
Bao gồm:		
+ Kinh phí đã nhận:	-	đồng

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc (nguồn KTC chi chế độ):	155.377.873	đồng
--	-------------	------

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1c).

3. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: không.

4. Thuyết minh số liệu quyết toán:

4.1. Số kinh phí đơn vị báo cáo đề nghị quyết toán: 14.157.615.813 đồng.

Bao gồm: Tự chủ, không tự chủ, cải cách tiền lương, học phí, dự thi dự tuyển, học thêm, nguồn tài trợ theo TT16/2018.

* Thực hiện nguồn tự chủ		
- Năm trước chuyển sang:	0	đồng
- Số thu trong năm:	11.652.000.000	đồng
Trong đó CCTL theo ND 73	1.233.000.000	đồng
- Số chi trong năm:	11.652.000.000	đồng
Trong đó CCTL theo ND 73	1.233.000.000	đồng
- Số tồn cuối năm:	-	đồng
Đạt tỷ lệ so với dự toán giao	100	%
* Thực hiện nguồn không tự chủ:		
- Năm trước chuyển sang:	0	đồng
- Số thu trong năm:	746.035.000	đồng
Trong đó nguồn đào tạo:	48.000.000	đồng
Trong đó nguồn CCTL:	-	
Trong đó tiền thưởng theo ND 73	315.000.000	đồng
- Số chi trong năm:	588.126.127	đồng
Trong đó nguồn đào tạo:	45.491.000	đồng
Trong đó nguồn CCTL:	-	đồng
Trong đó tiền thưởng theo ND 73	315.000.000	đồng
- Số tồn cuối năm:	157.908.873	đồng
Trong đó dự toán huỷ	2.531.000	đồng
Đạt tỷ lệ so với dự toán giao.	78,8	%
* Thực hiện nguồn học phí.		
- Số thu năm trước chuyển sang:	0	đồng
- Số thu trong năm:	866.375.000	đồng
Trong đó:		
+ Cấp bù học phí:	0	đồng
+ Thu trực tiếp từ học sinh:	866.375.000	đồng
- Số chi trong năm:	420.729.890	đồng
Trích lập 40% CCTL	346.550.000	đồng

- Số tồn cuối năm:	99.095.110	đồng
* Thực hiện nguồn dạy thêm, học thêm.		
- Số thu năm trước chuyển sang:		đồng
- Số thu trong năm:	1.039.320.000	đồng
- Số chi trong năm bao gồm 2% thuế	1.013.149.261	đồng
Thuế 2% trên tổng số thu là:	20.786.400	đồng
- Số tồn cuối năm:	26.170.739	đồng
* Thực hiện nguồn tài trợ theo TT16/2018 (tiếp nhận bằng hiện vật với tổng số kinh phí: 113.450.000 đồng.		
* Thực hiện nguồn Cải cách tiền lương		
- Năm trước chuyển sang:		đồng
- Số thu trong năm	346.550.000	đồng
- Số chi trong năm:	301.323.905	đồng
- Số tồn cuối năm:	45.226.095	đồng
* Tiền lãi		
* Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu		
- Năm trước chuyển sang:	34.806.534	
- Số thu trong năm	53.623.373	đồng
- Số chi trong năm:	27.050.000	đồng
- Số tồn cuối năm:	61.379.907	đồng
Tổng tồn tiền gửi KB cuối năm		
Tồn cuối năm gửi ngân hàng		
14.002.465.183	Tất cả các nguồn chi	
1.959.318.373	Số thu nguồn khác	
1.741.552.656	Số chi nguồn khác	
231.785.851	Số tồn cuối năm nguồn khác	
34.806.534	34.806.534	
231.785.851	Là số thặng dư thâm hụt năm trước TK 421	
61.379.907	Đối chiếu tiền gửi 2024 KB	
170.405.944	Đối chiếu tiền gửi 2024 KB	

4.2. Số kinh phí Sở Giáo dục và Đào tạo chấp nhận quyết toán:
17.597.893.968 đồng.

4.3. Nội dung khác:

- Dự toán dư tại kho bạc nguồn Không tự chủ bị hủy số tiền: 2.531.000 đồng

- Nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng
- Nêu rõ nguyên nhân chênh lệch giữa số liệu xét duyệt/thẩm định với số liệu báo cáo của đơn vị được xét duyệt/thẩm định (nếu có). Không.

III. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động SXKD, dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 231.785.851 đồng, trong đó:
- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng
- Trích lập các Quỹ: 0 đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương: 45.226.095 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1b).

IV. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

a. Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đơn vị đã thực theo đúng thời hạn

b. Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đơn vị đã thực theo đúng quy định.

Về sổ sách: về cơ bản đầy đủ.

c. Về chấp hành các quy định của Nhà nước:

Nhìn chung về cơ bản đơn vị đã thực hiện đúng theo quy định các nội dung như: mua sắm, sửa chữa tài sản; quản lý và sử dụng tài sản; chế độ thu, nộp ngân sách nhà nước; chế độ chi tiêu; hạch toán thu, chi, mục lục ngân sách nhà nước. Tuy nhiên bên cạnh còn có một vài nội dung cần bổ sung đề nghị nhà trường rà soát, bổ sung, hoàn thiện sau:

- Thực hiện nguồn ngân sách cấp:

+ Lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp, trích bảo hiểm, kinh phí công đoàn: đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định.

+ Làm thêm giờ (tính theo năm học): bảng kê làm thêm giờ của từng cá nhân, lịch giảng dạy của nhà trường về vấn đề liên quan; Bảng tính thừa giờ (trong đó có cột số giờ phân công thực tế và cột số giờ theo định mức: trên cơ sở đó mới tính được tiền thừa giờ).

+ Thanh toán phụ cấp ưu đãi bổ sung tháng 1,2,3/2024: chưa kịp thời thanh toán chế độ cho người lao động.

+ Thanh toán mua sắm hàng hoá thường xuyên phục vụ công tác chuyên môn theo từng lần đề xuất cần có hóa đơn bán lẻ tại thời điểm thực tế phát sinh hoặc biên bản bàn giao.

* Các khoản chi theo chế độ:

Thực hiện đúng định mức quy định, đảm bảo đầy đủ.

Chi theo Nghị Quyết 11/NQ-HĐND ngày 14/12/2022

Dự toán giao:	2.000.000
Tổng chi:	600.000
Tồn:	1.400.000

Định mức 150.000/hs/tháng đối tượng học sinh dân tộc thiểu số hộ cận nghèo

Số học sinh DTTS hộ cận nghèo	
Số tháng (từ tháng 1/2024 đến tháng 5/2024): 12 em	
Số tháng (từ tháng 9/2024 đến tháng 12/2024): 17 em	
Số tiền	

Định mức 100.000/hs/tháng đối tượng học sinh thoát nghèo

Số học sinh	
Số tháng	
Số tiền	

Chi theo Nghị Định 116/2016/NĐ/-CP ngày 8/7/2016 về hỗ trợ học sinh thôn, xã đặc biệt khó khăn.

Tồn nay trước chuyển sang	
Dự toán giao:	89.000.000
Tổng số tiền chi:	81.492.000
Tồn:	7.508.000

Tiền ăn, định mức 40% mức lương cơ sở/ học sinh /tháng

Số học sinh (HK II 2023-2024)	9
Số tháng	5
Số tiền	32.400.000
Số học sinh (HK I - 2024-2025)	12
Số tháng	4
Số tiền	40.992.000

Tiền ở, định mức 10% mức lương cơ sở / học sinh /tháng

Số học sinh (HK II 2023-2024)	9
Số tháng	5
Số tiền	8.100.000
Số học sinh (HK I - 2024-2025)	12
Số tháng	4
Số tiền	10.998.000

Chi phí học tập theo ND 81/2021

Năm trước mang sang	
Dự toán giao:	75.000.000
Tổng số tiền chi: (cả chi cấp bù HP)	21.900.000
Tồn:	53.100.000

Định mức hỗ trợ 150.000 đồng/em/tháng

Số học sinh học kỳ II-2023-2024	18
Số tháng	5
Số tiền	13.500.000
Số học sinh học kỳ I-2024-2025	14
Số tháng	4
Số tiền	8.400.000
Tổng số tiền	21.900.000
Cấp bù (năm học 2023-2024) và 4 tháng năm học 2024-2025)	

- Thực hiện nguồn Cải cách tiền lương: Chi theo định mức quy định.

Thực hiện trích đủ theo số liệu như sau:

Nội dung	Năm trước	Năm hiện tại	Tổng cộng
	2023	2024	
Số phải trích		346.550.000	346.550.000
Số đã trích		346.550.000	346.550.000
Số còn thiếu	0	0	0

- **Thực hiện nguồn học phí:** Thực hiện thu đúng định mức, chi theo quy định

- **Thực hiện nguồn dạy thêm, học thêm.**

Tổng thu	1.039.320.000	nguồn năm trước	
2% thuế	20.786.400	-	
Còn lại chi	1.018.533.600		
Tỷ lệ chi %	Định mức chi	Thực tế chi	Chênh lệch vượt
67,97%		692.318.421	
15,00%		152.780.040	
9,43%		96.053.400	
5,03%		51.211.000	
Tổng		992.362.861	

+ Nhà trường đã hạch toán đưa vào hệ thống sổ sách chung.

+ Kế hoạch dạy thêm học thêm, đơn xin học, lịch báo giảng, giáo án, hồ sơ liên quan lưu tại phòng chuyên môn của nhà trường.

+ Nhà trường thực hiện thu tiền mặt sau đó nộp vào tài khoản tiền gửi tại ngân hàng để thực hiện. Có đầy đủ phiếu thu, phiếu chi theo quy định.

+ Nhà trường đã trích nộp và đóng thuế đầy đủ, tổng số tiền: 20.786.400 đồng

+ Nhà trường xuất hoá đơn tài chính cho học sinh theo học kỳ là chưa phản ánh kịp thời thực tế phát sinh thời gian nộp tiền của học sinh.

+ Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020, nhà trường chưa trích tỷ lệ phân bổ cho các nội dung chi trong Quy chế chi tiêu nội bộ (Chi trực tiếp cho giáo viên, chi CBQL, CSVC trên tổng số còn lại sau khi trừ 2% thuế TNDN).

+ Qua kiểm tra thực tế nhà trường có trích tỷ lệ: Chi trực tiếp cho giáo viên 70%, chi CBQL 18%, CSVC 12%.

+ Chi tiền cho cán bộ quản lý bao gồm chi cho giáo viên chủ nhiệm bổ sung Quyết định thành lập và quy định rõ tỷ lệ chi cho từng đối tượng cụ thể..

- **Thực hiện nguồn tài trợ theo Thông tư số 16/2018**

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch vận động tài trợ số 05/KH-THPTĐS ngày 25/01/2024 về vận động tài trợ năm học 2023-2024; Tờ trình gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông số 02/THPTĐS ngày 11/01/2024 về việc xin chủ trương vận động tài trợ trong năm học 2023-2024; Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông đã có Công văn số 123/SGDĐT ngày 17/01/2024, 156/SGDĐT-TCCBTC ngày 23/01/2024 ý kiến về Kế hoạch vận động tài trợ cho giáo dục trong năm học 2023-2024.

Có quyết định thành lập tổ tiếp nhận vận động tài trợ

Nhận bằng hiện vật tổng giá trị 97.900.000 đồng, đề nghị nhà trường ghi nhận giá trị tài sản tăng của 02 máy photo theo quy định.

Nhận bằng hiện vật tổng giá trị 3.950.000 đồng.

- Thực hiện nguồn thu theo Nghị Quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 8 năm 2021.

Theo số liệu báo cáo:

- Năm trước chuyển sang:	
- Số thu trong năm:	198.950.000
- Số chi trong năm:	182.200.000
- Số tồn cuối năm:	16.750.000

Chi tiết từng nội dung chi:

STT	Nội dung	Năm trước mang sang	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn
1	Dịch vụ phục vụ trực tiếp cho người học	-	198.950.000	182.200.000	16.750.000
1.1	Kiểm tra				-
1.2	Thuê người dọn khu vực nhà vệ sinh dành cho học sinh (10.000 đ/hs x 9 tháng)		105.325.000	89.640.000	15.685.000
1.3	Ghế ngồi chào cờ cho học sinh (trang bị đầu cấp)		17.395.000	17.395.000	-
1.4	Ứng dụng CNTT trong trao đổi TT liên lạc giữa nhà trường và PHHS (50.000 đ/hs/năm học)		76.230.000	75.165.000	1.065.000
1.5	Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đối với THCS và THPT (nếu có nhu cầu) (Khối 10: 170.000 đ/hs/hoạt động trải nghiệm; Khối 11: 200.000 đ/hs/hoạt động trải nghiệm)				-
2	Khoản thu hỗ trợ hoạt động giáo dục (50.000/hs/năm học)				-
	Tổng công	-	198.950.000	182.200.000	16.750.000

+ Về cơ bản nhà trường đã thực hiện thu, chi đảm bảo theo quy định, không vượt định mức thu, tuy nhiên chưa xây dựng kế hoạch tổng thể và dự toán chi tiết cho từng khoản thu, chi nên chưa đảm bảo theo quy định tại điểm a mục 2.1.4 khoản 2 Công văn số 1486/HD-SGDĐT ngày 20/9/2022 về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập,

+ Nhà trường thực hiện đúng quy định thu đủ chi.

- Thực hiện nguồn kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu. Xem xét lại
Số liệu thực hiện

- Năm trước chuyển sang:	8.233.161
--------------------------	-----------

- Số thu trong năm	53.623.373
- Số chi trong năm:	27.050.000
- Số tồn cuối năm:	34.806.534

Căn cứ khoản 2 Điều 34 Nghị định 146/2018/NĐ-CP quy định về điều kiện, nội dung chi, thanh quyết toán kinh phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu bao gồm các nội dung sau:

+ *Chi mua thuốc, vật tư y tế phục vụ sơ cấp cứu, xử trí ban đầu cho trẻ em, học sinh, sinh viên, các đối tượng do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp quản lý khi bị tai nạn thương tích hoặc các trường hợp bệnh thông thường trong thời gian học, làm việc tại cơ sở giáo dục hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;*

+ *Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị y tế thông thường phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, tủ tài liệu quản lý hồ sơ sức khỏe tại cơ sở giáo dục hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;*

+ *Chi mua văn phòng phẩm phục vụ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu.*

Từ kiểm tra hồ sơ cung cấp nhận thấy:

+ Nhà trường đã thực hiện đưa số dư ban đầu vào sổ quỹ tiền mặt.

+ Mua thuốc phục vụ học sinh thiếu Biên bản bàn giao cho bộ phận y tế.

+ Mua máy tính: kiểm tra lại ngày tháng chứng từ đề xuất đến hợp đồng cho phù hợp, thiếu giấy đề nghị thanh toán, biên bản bàn giao cho bộ phận sử dụng và báo giá.

+ Mua vật tư văn phòng khác phục vụ y tế: thiếu biên bản bàn giao, giấy đề nghị thanh toán.

- Tình hình thực hiện công khai tài chính:

Đơn vị đã công khai dự toán ngân sách nhà nước dự toán đầu năm theo Quyết định số 23/QĐ-THPT-ĐS ngày 19/2/2024. Công khai dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm Quyết định số 85/QĐ-THPT-ĐS ngày 08/7/2024, Công khai dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng theo Quyết định số 117/QĐ-THPT-ĐS ngày 14/10/2024. Công khai dự toán ngân sách nhà nước nguồn CCTL theo Quyết định số 124a/QĐ-THPT-ĐS ngày 30/10/2024, Công khai dự toán ngân sách nhà nước Bổ sung theo Quyết định số 124b/QĐ-THPT-ĐS ngày 30/10/2024, Công khai dự toán ngân sách nhà nước 11 tháng theo Quyết định số 139/QĐ-THPT-ĐS ngày 18/12/2024. Công khai dự toán ngân sách nhà nước 12 tháng theo Quyết định số 139/QĐ-THPT-ĐS ngày 09/1/2025, Công khai dự toán ngân sách nhà nước năm theo Quyết định số 22/QĐ-THPT-ĐS ngày 18/2/2025. Tuy nhiên thời điểm công khai chậm, thiếu mẫu biểu công khai theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC; chưa thực hiện công khai đầy đủ dự toán kinh phí được giao (kể cả dự toán điều chỉnh bổ sung); thực hiện công khai thực hiện hiện toán theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC; Thông tư

90/2018/TT-BTC; chưa công Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân/Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Kiến nghị:

- Đề nghị đơn vị tiếp tục thực hiện Công khai đầy đủ, đúng các biểu mẫu được quy định theo các văn bản hướng dẫn thực hiện Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017, Thông tư số, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân về các nội dung chưa công khai.

Đề nghị đơn vị thực hiện công khai theo Điều 9 của TT61/2017/TT-BTC "...đối với đơn vị có Cổng thông tin điện tử thì phải thực hiện công khai ngân sách qua Cổng thông tin điện tử của đơn vị mình"

- Đề nghị đơn vị thực hiện chi đúng, đủ theo tỉ lệ được quy định phân bổ cho từng nội dung nguồn dạy thêm theo Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND.

- Đề nghị nhà trường thực hiện rà soát lại tất cả các hồ sơ, chứng từ bổ sung chữ ký, ngày tháng trên hồ sơ cho phù hợp với thực tế phát sinh.

- Đơn vị chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của chứng từ.

- Chứng từ gốc và sổ sách kế toán được lưu tại đơn vị./.

Nơi nhận: 

- Trường THPT Đắk Song;

- Lưu: VT, TCCB-TC.

GIÁM ĐỐC



Phan Thanh Hải



